

Số: 9112 / CV-VPB
(V/v: giải trình biến động lợi nhuận sau thuế quý
2 năm 2026 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026)

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

*Văn bản Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
quý 2 năm 2026 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2026*

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”)
2. Mã chứng khoán: VPB
3. Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: (84-24) 3928 8869
5. Fax: (84-24) 3928 8867
6. Nội dung giải trình:

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng xin giải trình về tình hình hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trên báo cáo tài chính quý 2 năm 2026 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, lợi nhuận sau thuế riêng của Ngân hàng đạt 12.453.436 triệu đồng, tăng 3.855.205 triệu đồng, tương ứng mức tăng 44,84% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong quý 2 năm 2026, lợi nhuận sau thuế riêng đạt 6.546.549 triệu đồng, ghi nhận mức tăng 1.902.428 triệu đồng, tương đương 40,96%.

Đối với kết quả hợp nhất, lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và các công ty con trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đạt 15.105.377 triệu đồng, tăng 6.232.927 triệu đồng, tương ứng 70,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, quý 2 năm 2026, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 8.775.909 triệu đồng, ghi nhận mức tăng 3.838.413 triệu đồng, tương đương 77,74%.



Mức tăng trưởng lợi nhuận trong quý II năm 2026 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại 30 tháng 6 năm 2026 được đóng góp bởi cả Ngân hàng mẹ và các công ty con, trong đó Ngân hàng mẹ tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ đạo của VPBank hợp nhất. Kết quả này chủ yếu đến từ việc tăng trưởng quy mô tín dụng tích cực và tiếp tục thúc đẩy các nguồn thu nhập ngoài lãi, tăng cường giải pháp thu hồi nợ góp phần đa dạng hóa cơ cấu doanh thu, nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa khả năng sinh lời.

Chi tiết biến động lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2026 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được trình bày tại Phụ lục 1 & Phụ lục 2 đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi,
- Lưu VP.
- P. KTTH&CSKT

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Vinh

100%
GÂN
NG M
VIỆT
HỊNH
H PH

**PHỤ LỤC 1: GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ QUÝ II NĂM 2026 VÀ KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ**

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Quý II				Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Năm 2026	Năm 2025	Tăng/(Giảm)		Năm 2026	Năm 2025	Tăng/(Giảm)	
			Giá trị	Tỷ lệ			Giá trị	Tỷ lệ
Thu nhập lãi thuần	14.287.431	9.943.289	4.344.142	43,69%	27.404.087	20.074.120	7.329.967	36,51%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.387.559	797.091	590.468	74,08%	2.603.106	1.426.269	1.176.837	82,51%
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(846.796)	97.580	(944.376)	-967,80%	(1.264.685)	222.532	(1.487.217)	-668,32%
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	(749)	749	-100,00%	-	1.849	(1.849)	-100,00%
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.448	40.402	(34.954)	-86,52%	20.775	(86.638)	107.413	-123,98%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.645.633	874.437	771.196	88,19%	2.877.752	1.639.877	1.237.875	75,49%
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	-	207.790	(207.790)	-100,00%	-	207.790	(207.790)	-100,00%
Tổng chi phí hoạt động	(3.407.980)	(2.859.969)	548.011	19,16%	(6.652.950)	(5.900.908)	752.042	12,74%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.887.984)	(3.346.668)	1.541.316	46,06%	(9.421.283)	(6.889.512)	2.531.771	36,75%
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.183.311	5.753.203	2.430.108	42,24%	15.566.802	10.695.379	4.871.423	45,55%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.636.762)	(1.109.082)	527.680	47,58%	(3.113.366)	(2.097.148)	1.016.218	48,46%
Lợi nhuận sau thuế	6.546.549	4.644.121	1.902.428	40,96%	12.453.436	8.598.231	3.855.205	44,84%

PHỤ LỤC 2: GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ QUÝ II NĂM 2026 VÀ KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Nội dung	Quý II				Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Năm 2026	Năm 2025	Tăng/(Giảm)		Năm 2026	Năm 2025	Tăng/(Giảm)	
			Giá trị	Tỷ lệ			Giá trị	Tỷ lệ
Thu nhập lãi thuần	17.973.498	13.451.792	4.521.706	33,61%	34.934.126	26.834.330	8.099.796	30,18%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.490.130	1.370.026	2.120.104	154,75%	5.554.653	2.512.051	3.042.602	121,12%
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(846.997)	93.240	(940.237)	-1008,41%	(1.266.765)	212.706	(1.479.471)	-695,55%
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	502.242	326.594	175.648	53,78%	278.117	510.745	(232.628)	-45,55%
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	102.433	38.529	63.904	165,86%	116.826	(96.320)	213.146	-221,29%
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.231.500	1.047.530	1.183.970	113,02%	3.713.431	2.118.350	1.595.081	75,30%
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	30.828	8.857	21.971	248,06%	61.453	8.857	52.596	593,84%
Tổng chi phí hoạt động	(4.614.080)	(4.206.364)	407.716	9,69%	(8.932.407)	(8.278.328)	654.079	7,90%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7.910.375)	(5.915.679)	1.994.696	33,72%	(15.579.469)	(12.592.984)	2.986.485	23,72%
Tổng lợi nhuận trước thuế	10.959.179	6.214.525	4.744.654	76,35%	18.879.965	11.229.407	7.650.558	68,13%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.183.270)	(1.277.029)	906.241	70,96%	(3.774.588)	(2.356.957)	1.417.631	60,15%
Lợi nhuận sau thuế	8.775.909	4.937.496	3.838.413	77,74%	15.105.377	8.872.450	6.232.927	70,25%

Đơn vị: triệu đồng

